

Phụ lục I

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường THPT Đạ Huoai.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

79 Trần Phú, TT Madaguoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Các địa chỉ hoạt động khác của trường: Không có;

Điện thoại: 02633932327;

Địa chỉ thư điện tử: c3dahuoai.lamdong@moet.edu.vn

Trang thông tin điện tử của trường: thptdahuoai.edu.vn.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường THPT công lập nhóm IV

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh:

Sứ mạng của Trường THPT Đạ Huoai là tạo ra một môi trường học tập an toàn, toàn diện và đầy thử thách nhằm thúc đẩy sự phát triển về trí tuệ, xã hội và cảm xúc của mỗi học sinh. Nhà trường mong muốn phát triển những cá nhân có trách nhiệm, giàu lòng nhân ái và toàn diện, chăm chỉ trong học tập và có đóng góp ý nghĩa cho xã hội. Thông qua việc đổi mới phương pháp giảng dạy, sự hướng dẫn hỗ trợ của quý thầy cô giáo và tập trung vào tư duy phản biện, nhà trường cố gắng nuôi dưỡng tiềm năng của mỗi học sinh và truyền cảm hứng cho niềm đam mê học tập suốt đời.

4.2. Tầm nhìn:

Tầm nhìn của trường THPT Đa Huoai là trở thành một đơn vị hỗ trợ học sinh trở thành những con người tự tin, giàu lòng nhân ái và sáng tạo trong tương lai. Nhà trường mong muốn thúc đẩy một nền văn hóa đa dạng và hợp tác, nơi mọi học sinh được khuyến khích theo đuổi tài năng và sở thích riêng của mình. Bằng cách thúc đẩy tính trung thực, sự tôn trọng và quyền công dân toàn cầu, nhà trường hình dung học sinh của mình khi rời khỏi trường sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng và các giá trị để tạo ra tác động tích cực cho xã hội.

4.3. Mục tiêu:

Mục tiêu của trường THPT Đa Huoai là hướng đến một nền giáo dục chất lượng, kết hợp giữa các thành tích trong học tập với các giá trị văn hóa Việt Nam mạnh mẽ, chuẩn bị cho học sinh phát triển mạnh mẽ trong một xã hội toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng.

Cung cấp một nền giáo dục chất lượng, trang bị cho học sinh những kỹ năng học tập thiết yếu, chuẩn bị cho các em bước vào giáo dục đại học và nghề nghiệp chuyên nghiệp.

Để thâm nhuần sự đánh giá sâu sắc về di sản, truyền thống và văn hóa Việt Nam, đồng thời thúc đẩy sự tôn trọng tính đa dạng. Học sinh sẽ được khuyến khích tự hào về cội nguồn và cộng đồng nông thôn của mình, đảm bảo rằng các giá trị tôn trọng, khiêm tốn và trách nhiệm xã hội là cốt lõi trong giáo dục của các em.

Cung cấp cho học sinh kiến thức thực tế và đào tạo nghề có thể hỗ trợ nền kinh tế địa phương, như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công và kinh doanh.

Thúc đẩy giáo dục môi trường nhân mạnh đến tính bền vững, bảo tồn tài nguyên và đổi mới nông nghiệp. Học sinh sẽ được khuyến khích tham gia vào các vấn đề địa phương, chẳng hạn như cải thiện phương thức canh tác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giải quyết các tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống nông thôn.

Nuôi dưỡng những cá nhân toàn diện bằng cách cung cấp các hoạt động ngoại khóa tập trung vào phát triển cá nhân, kỹ năng hoạt động nhóm và phục vụ cộng đồng. Những hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển sự tự tin, kỹ năng xã hội và ý thức trách nhiệm đối với gia đình và cộng đồng.

Thúc đẩy mối quan hệ bền chặt giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tạo cơ hội hợp tác, làm việc tình nguyện và hỗ trợ lẫn nhau.

Để đảm bảo rằng học sinh không chỉ thành công trong học tập mà còn khỏe mạnh về thể chất và tinh thần. Các hoạt động giáo dục sức khỏe, thể dục thể thao và sức khỏe tinh thần sẽ được lồng ghép để hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh và thúc đẩy lối sống lành mạnh, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, nơi khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe có thể bị hạn chế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập từ năm học 1981-1982 lúc đó chỉ có 10 giáo viên, 3 lớp học và 84 học sinh. Thầy hiệu trưởng là thầy Trương Ngọc Sinh, số học sinh tăng dần theo các năm:

Năm học	Số giáo viên	Số lớp	Số học sinh
1982-1983	10	3	69
1983-1984	12	4	104
1984-1985	13	5	134
1985-1986	15	5	164

Trong thời gian 5 năm này trường THPT Đạ Huoai là ngôi trường chung cho cả 3 huyện: Đạ Huoai, Đạ Tẻ và Cát Tiên. Nhà trường có khu nội trú cho giáo viên và học sinh. Các thầy cô đa số ở xa nhà, cùng chung sống với học sinh trong khu nội trú nên giữa thầy và trò có mối dây tình cảm rất thâm thiết và có nhiều kỷ niệm khó phai mờ.

Từ năm học 1986-1987 huyện Đạ Huoai được chia tách thành ba huyện phía Nam như bây giờ. Thầy hiệu trưởng là Lê Văn Đồng, số lớp và số học sinh như sau:

Năm học	Số giáo viên	Số lớp	Số học sinh
1986-1987	17	4	139
1987-1988	17	5	136
1988-1989	18	5	119

Năm học 1989-1990, trường THPT Đạ Huoai được sáp nhập khối cấp 2 từ các xã Đạ Oai, Đạ Tồn, Mađagui và thị trấn Madaguôi thành trường cấp 2,3 Đạ Huoai do thầy Vũ Đức Minh làm hiệu trưởng. Năm học này trường có 29 giáo viên, 19 lớp và 367 học sinh.

Kể từ năm học 1990-1991 trở đi, thầy Trần Huy Cháp làm hiệu trưởng, sau đó là cô Đinh Thị Cúc

Năm học	Số giáo viên	Số lớp	Số học sinh
1990-1991	29	12	396
1991-1992	30	14	449
1992-1993	34	15	607
1993-1994	37	18	790
1994-1995	41	21	869
1995-1996	39	21	890
1996-1997	41	24	975
1997-1998	47	28	1168
1998-1999	56	33	1339
1999-2000	68	38	1449

Đến năm học 2001-2002, trường cấp 2,3 Đạ Huoai lại được tách khối cấp 2 để thành lập trường THCS thị trấn Madaguôi và một bộ phận học sinh cấp 3 ở thị trấn Đạm Ri để thành lập trường THPT Đạm Ri. Kể từ năm học đó đến nay trường mang tên trường THPT Đạ Huoai quy mô trường như sau:

Năm học	Số giáo viên	Số lớp	Số học sinh
2000-2001	32	14	562
2001-2002	36	17	655
2002-2003	46	18	635
2003-2004	41	18	720
2004-2005	43	23	745
2005-2006	43	22	750
2006-2007	41	21	712
2007-2008	46	19	656
2008-2009	45	20	712

2009-2010	43	18	649
2010-2011	44	18	656
2011-2012	36	17	646
2012-2013	36	16	601
2013-2014	37	16	593
2014-2015	37	16	581
2015-2016	35	16	555
2016-2017	34	16	578
2017-2018	35	16	582
2018-2019	35	15	524
2019-2020	33	15	540
2020-2021	34	15	544
2021-2022	34	15	540
2022-2023	33	14	557
2023-2024	35	15	642
2024-2025	35	16	654

***Các thầy cô đã làm hiệu trưởng tại trường:**

- Thầy Trương Ngọc Sinh : Từ năm học 1981-1982
- Thầy Lê Văn Đồng : Từ năm học 1982-11/1988
- Thầy Vũ Đức Minh : Từ 11/1988- 1990
- Thầy Trần Huy Cháp : Từ năm học 1990-5/1992
- Cô Đinh Thị Cúc : Từ 5/1992-3/2004
- Thầy Văn Đình Sở : Từ 3/2004- 8/2012
- Thầy Nguyễn Duy Bảo : Từ 8/ 2012- 8/2017
- Thầy Văn Đình Sở : Từ 8/2017- 10/2021
- Thầy Chu Quý Hợi : Từ 10/2021- Nay

***Cơ cấu tổ chức nhà trường hiện nay:**

Chi bộ nhà trường: có 16 đảng viên

Bí thư Chi bộ: Thầy Chu Quý Hợi

Chi bộ nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu *Trong sạch vững mạnh*

Ban giám hiệu:

- Hiệu trưởng: Thầy Chu Quý Hợi
- Phó hiệu trưởng: Cô Nguyễn Thị Mỹ
- Phó hiệu trưởng: Cô Nguyễn Thị Thu Hiền

Công đoàn nhà trường:

- Chủ tịch công đoàn: Cô Nguyễn Thị Thu Hiền

- Phó chủ tịch công đoàn: Cô Hoàng Thị Hằng

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:

- Bí thư đoàn trường: Cô Phạm Thị Nhài

- Phó bí thư đoàn trường: Cô Trần Thị Mai Lan

- Đoàn trường có 16 chi đoàn học sinh và 1 chi đoàn giáo viên

Hội chữ thập đỏ: Chi hội trưởng cô Nguyễn Thị Ngân

Hội cha mẹ học sinh:

- Trưởng ban đại diện: Ông Đặng Huy Bình

Ngoài ra còn có 16 chi hội đại diện cho 16 lớp

***Những thành tích đã đạt được:**

Thành tích học tập: Trường THPT Đa Huoai được thành lập từ năm 1981, so với những trường khác trong toàn tỉnh, nhà trường có những khó khăn nhất định đó là: Tuyển sinh đầu vào lớp 10 chất lượng khá thấp, tuy nhiên nhờ sự cố gắng, nỗ lực của tập thể CB-GV và học sinh trong những năm học qua nhà trường đã có nhiều thành tích đáng kể, thể hiện qua kết quả thi tốt nghiệp hàng năm, qua kết quả chất lượng mũi nhọn:

- Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT 5 năm gần đây:

Năm học	Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp
2019-2020	99.34%
2020-2021	99.44%
2021-2022	99.38%
2022-2023	99.37%
2023-2024	100%

- *Kết quả đào tạo mũi nhọn:*

+ Năm học 2019-2020: đạt 7 giải học sinh giỏi cấp tỉnh (1 giải nhì, 4 giải 3 và 2 giải khuyến khích) và 2 huy chương đồng Hội khỏe Phù Đổng.

+ Năm học 2020-2021: đạt 7 giải học sinh giỏi cấp tỉnh (1 giải nhì, 2 giải 3 và 4 giải khuyến khích) và 3 huy chương đồng Hội khỏe Phù Đổng.

+ Năm học 2021-2022: đạt 8 giải văn hóa (trong đó: 03 nhì; 02 ba; 03 khuyến khích) 03 giải thể thao (trong đó: 01 huy chương vàng; 02 huy chương đồng); 01 giải Tin học trẻ (giải ba)

+ Năm học 2022-2023: có 17 giải văn hóa cấp tỉnh (trong đó: Nhất: 03 giải; nhì: 06 giải; ba: 04 giải; khuyến khích: 04 giải); giải nhì Olympic Tin học miền trung tây nguyên; giải ba KHKT, giải ba STEM cấp tỉnh.

+ Năm học 2023-2024: có 10 giải văn hóa cấp tỉnh (trong đó: giải ba: 4 giải khuyến khích: 6 giải); 5 giải thể thao (trong đó: 02 HCV; 01 HCB; 02 HCD).

- *Hiệu quả đào tạo:* Kể từ ngày thành lập trường đến nay, đã có nhiều thế hệ học sinh trưởng thành từ mái trường THPT Đa Huoai, có em trở về địa phương, phục vụ cho huyện nhà, có nhiều thầy cô giáo của nhà trường là học sinh cũ của trường, nhiều học sinh hiện đang

là giảng viên các trường đại học lớn. Học sinh của nhà trường đang phục vụ trên nhiều lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, KHKT trên nhiều vùng miền của đất nước.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Chu Quý Hợi;

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: 79 Trần Phú, TT Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

Số điện thoại: 0931277738;

Địa chỉ thư điện tử: cbl.chuquyhoy@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Quyết định số 341/QĐ/UB-TC ngày 2 tháng 8 năm 1989 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Trường phổ thông cấp 2-3 Đạ Huoai.

Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 9 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc đổi tên trường phổ thông cấp 2-3 Đạ Huoai thành trường Trung học phổ thông Đạ Huoai.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 809/QĐ-SGDĐT, ngày 15/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Đạ Huoai, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 770/QĐ-SGDĐT, ngày 27/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Đạ Huoai, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 975/QĐ-SGDĐT, ngày 21/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Đạ Huoai, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 937/QĐ-SGDĐT, ngày 02/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Đạ Huoai, nhiệm kỳ 2021-2026;

Danh sách thành viên hội đồng trường THPT Đạ Huoai, nhiệm kỳ 2021-2026 (năm học 2024-2025 đã đề nghị):

Stt	Họ và tên	Đại diện tổ chức, đoàn thể, tổ CM	Ghi chú
1	Chu Quý Hợi	Bí thư CB, Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Mỹ	Phó hiệu trưởng	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó hiệu trưởng - CTCD	
4	Phạm Thị Nhài	Bí thư Đoàn TN	
5	Nông Thị Thu Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Nguyễn Văn Tín	Tổ trưởng chuyên môn	

7	Vũ Thị Hạnh	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Ngô Thị Vọng	Tổ trưởng chuyên môn	
9	Bùi Xuân Thọ	Đại diện địa phương	
10	Đặng Huy Bình	Trưởng BDD CMHS	
11	Nguyễn Trà My	Đại diện học sinh	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng Chu Quý Hợi: Quyết định số 1224/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2023 của Sở GD và ĐT Lâm Đồng về việc bổ nhiệm chức vụ công chức, viên chức;

Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng:

+ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mỹ: Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bổ nhiệm chức vụ cán bộ, công chức;

+ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mỹ: Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ, công chức, viên chức;

+ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mỹ: Quyết định số 573/QĐ-SGDĐT ngày 29/6/2018 của Sở GD và ĐT Lâm Đồng về việc bổ nhiệm lại chức vụ công chức, viên chức;

+ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Thu Hiền: Quyết định số 487/QĐ-SGDĐT ngày 29/5/2024 của Sở GD và ĐT Lâm Đồng về việc bổ nhiệm chức vụ công chức, viên chức;

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Cơ chế hoạt động của trường THPT Đa Huoai

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THPT Đa Huoai là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Lâm Đồng.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Hệ thống tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Tổ chức Công đoàn.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 4 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Chu Quý Hợi	Hiệu trưởng	0931277738	Cbl.chuquyhoi@gmail.com
2	Nguyễn Thị Mỹ	Phó Hiệu trưởng	0984118526	ntmy.c3dahuoai@lamdong.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phó Hiệu trưởng	0963545658	ntthien.c3dahuoai@lamdong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: 79 Trần Phú, TT Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

e. Quy chế dân chủ ở cơ sở giáo dục:

Hàng năm, trong hội nghị cán bộ - công chức - viên chức, người lao động, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, quy chế dân chủ, quy chế làm việc cơ quan, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử văn hóa theo quy định tại Thông tư số 06/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ GD&ĐT về thực hiện Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Các tổ chức Đoàn thể, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thực hiện theo quy chế dân chủ được ban hành từ năm học 2020-2021, được điều chỉnh bổ sung hằng năm và các quy định trong quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng bộ GD&ĐT; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

Việc thực hiện quy chế dân chủ được thể hiện thông qua việc thực hiện chế độ hội họp đúng định kỳ: Hàng năm, nhà trường đều tổ chức hội nghị công chức, viên chức theo đúng Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Hội đồng trường mỗi tháng 1 lần; họp hội đồng sư phạm nhà trường; họp liên tịch mở rộng; họp CMHS theo kế hoạch. Việc thực hiện quy chế dân chủ còn được thể hiện thông qua việc công khai tài chính theo quy định của nhà nước, công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách và việc đánh giá định kỳ đối với giáo viên, cán bộ, công chức, người học... Việc thực hiện quy chế dân chủ được thể hiện qua các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, và tổ chức Công đoàn cơ sở.

Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nếu có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường sẽ giải quyết đúng pháp luật.

Hàng năm, nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	T. số	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chuẩn nghề nghiệp
-----	----------	-------	------------------	----------------------------	-------------------

			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số GV, CBQL	34			3	0	0	0	32	2	0	0	34	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	31			31	0	0	0	30		0	0	31	0	0
1	Toán học	5			5	0	0	0	5	0	0	0	5	0	0
2	Ngữ văn	4			4	0	0	0	4	0	0	0	4	0	0
3	Tiếng Anh	3			3	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
4	Lịch sử	3			3	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
5	Vật lý	3			3	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
6	Hóa học	3			3	0	0	0	2	1	0	0	3	0	0
7	Sinh học	1			1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
8	Địa lý	2			2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
9	GDKT&PL	1			1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
10	Tin học	2			2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
11	Công nghệ	1			1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
12	GD thể chất	2			1	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
13	GDQP&AN	1			1	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0
II	Cán bộ quản lý	3			3	0	0	0	2	1	0	0	3	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
	Phó hiệu trưởng	2			2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0

Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý: 34 người. Trong đó: cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 31; đạt chuẩn: 34 (100%) và trên chuẩn: 1 (3%);

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất kiên cố như sau:

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Trường hiện có	Chú thích
1	Khối phòng hành chính quản trị			
a	Phòng Hiệu trưởng	có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành (Diện tích: 26,06m ²)	Đạt
b	Phòng Phó Hiệu trưởng	với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành (Diện tích: 26,06m ²)	Đạt
c	Văn phòng	bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành (Diện tích: 109,46m ²)	Đạt
d	Phòng bảo vệ:	bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;	có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; (Diện tích: 15m ²)	Đạt
đ	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15	bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 05 chậu tiểu/12 người, 03 chậu xí/12 người, 03 chậu rửa tay/03 chậu xí; đối với nữ 06 chậu xí/26 người, 04 chậu rửa tay/06 chậu xí (Diện tích: 48,99m ²)	Đạt

		người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01.		
e	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	Có khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên, có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường. (Diện tích: 73,5m ²)	Đạt
2	Khối phòng học tập			
a	Phòng học:	đảm bảo tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt	Có số lượng 01 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt (Diện tích: 52,95m ² và 44,81 m ²)	Đạt
b	Phòng học bộ môn Âm nhạc:	có tối thiểu 01 phòng	Không có	
c	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	có tối thiểu 01 phòng	Không có	
d	Phòng học bộ môn Công nghệ	có tối thiểu 01 phòng	Có 01 phòng (Diện tích: 54,73m ²)	Đạt
đ	Phòng học bộ môn Tin học	có tối thiểu 01 phòng	Có 02 phòng (Diện tích: 54,77m ² /1 phòng)	Đạt
e	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	có tối thiểu 01 phòng	Có 01 phòng (Diện tích: 64,64m ²)	Đạt

g	Phòng đa chức năng	có tối thiểu 01 phòng	Không có	
h	Phòng học bộ môn Vật lý	có tối thiểu 01 phòng	Có 01 phòng (Diện tích: 83,4m ²)	Đạt
i	Phòng học bộ môn Hóa học	có tối thiểu 01 phòng	Có 01 phòng (Diện tích: 109,46m ²)	Đạt
k	Phòng học bộ môn Sinh học	có tối thiểu 01 phòng	Có 01 phòng (Diện tích: 54,73m ²)	Đạt
3	Khối phòng hỗ trợ học tập			
a	Thư viện	mỗi trường có tối thiểu 01 thư viện; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh	Có 01 phòng thư viện, có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh (Diện tích:109,46m ²)	Đạt
b	Phòng thiết bị giáo dục	có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường	Không có	
c	Phòng tư vấn học đường	bảo đảm có 01 phòng	Không có	
d	Phòng truyền thống	bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ thiết bị	Không có	

d	Phòng Đoàn Thanh niên	bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống	Có 01 phòng, trang bị đầy đủ thiết bị (Diện tích: 26,06m ²)	Đạt
4	Khối phụ trợ			
a	Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành	có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành (Diện tích: 109,46m ²)	Đạt
b	Phòng các tổ chuyên môn	có tối thiểu 01 phòng sử dụng chung cho các tổ chuyên môn; đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp, có tối thiểu 02 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;	Không có	
c	Phòng Y tế trường học	bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh	có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh (Diện tích: 26,06m ²)	Đạt
d	Nhà kho	bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường	Có 01 phòng (Diện tích 30m ²)	Đạt
đ	Khu để xe học sinh	có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào	Có một khu để xe học sinh, có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào (Diện tích: 300m ²)	Đạt

e	Khu vệ sinh học sinh	bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 06 tiểu nam, 04 xí và 04 chậu rửa cho 292 học sinh; đối với nữ 08 xí và 04 chậu rửa cho 362 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	Có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 06 tiểu nam, 04 xí và 04 chậu rửa cho 292 học sinh; đối với nữ 08 xí và 04 chậu rửa cho 362 học sinh. (Diện tích:130,64m ²)	Chưa đạt
g	Cổng, hàng rào	khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường	khuôn viên của trường, được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc và có biển tên trường	Đạt
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao			

a		Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát	Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát (Diện tích: 4080m ²)	Đạt
b		Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh	Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh (Diện tích: 1100m ²)	Đạt
6	Khôi phục vụ sinh hoạt			
a	Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)	độc lập với khối phòng học và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh	--	
b	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)	phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm	--	
c	Nhà ăn (đối với trường có tổ chức bán trú, nội trú):	bảo đảm phục vụ cho học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị	--	
d	Nhà ở nội trú học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú):	bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị	--	

d	Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú):	bố trí ở khu nhà ở nội trú, dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú	--	
e	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường có tổ chức nội trú):	bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị	--	
7	Hạ tầng kỹ thuật			
a	Hệ thống cấp nước sạch	đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường	đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành	Đạt
b	Hệ thống cấp điện	bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	Đạt
c	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	bảo đảm theo các quy định hiện hành	bảo đảm theo các quy định hiện hành	Đạt
d	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường	điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường	Đạt
đ	Khu thu gom rác thải	bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng	bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi	Đạt

		gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm	cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.	
--	--	---	---	--

2. Danh mục sách giáo khoa

* SGK các môn học lớp 12 được lựa chọn sử dụng của Trường THPT Đa Huoai:

TT	Môn	Bộ sách TCM chọn		Tác giả	Ghi chú
		Tên sách	Nhà xuất bản		
	Toán học	Chân trời sáng tạo	NXB GD	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên) Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên) Vũ Như Thư Hương, Ngô Hoàng Long Phạm Hoàng Quân, Phạm Thị Thu Thủy	
	Vật lý	Chân trời sáng tạo	NXB GD	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (đồng Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà, Bùi Quang Hân, Đỗ Xuân Hội, Nguyễn Như Huy, Trương Đặng Hoài Thu, Trần Thị Mỹ Trinh	
	Hóa học	Chân trời sáng tạo	NXB GD	Cao Cự Giác (Chủ Biên), Đặng Thị Thuận An, Lê Hải Đăng, Nguyễn Đình Độ, Đậu	

				Xuân Đức, Nguyễn Xuân Hồng Quân, Phạm Ngọc Tuấn	
	Sinh học	Chân trời sáng tạo	NXB GD	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Trần Hoàng Đương, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thế Hung, Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thanh Sơn	
	Địa lí	Chân trời sáng tạo	NXB GD	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên), Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng (đồng Chủ biên), Huỳnh Ngọc Sao Ly, Hoàng Trọng Tuấn, Phạm Thị Bạch Tuyết, Trần Quốc Việt	
	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà - Đào Kiên Quốc (đồng Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt	
	Ngữ văn	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Đặng Lưu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Lịch Sử	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung.	
	GD KT&PL	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái	

				Hà, Nguyễn Thị Hồi, Nguyễn Thị Thu Trà	
0	Công nghệ Điện-Điện tử	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân.	
1	Công nghệ lâm sản, chăn nuôi	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phượng, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn	
2	GDTC Cầu lông	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Lệ Hằng, Nguyễn Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn.	
	GDTC Bóng đá	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyên.	
	GDTC Bóng chuyền	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng.	
	GDTC Bóng rổ	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức.	
3	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Tô Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	

4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD	Nghiệm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa	
5	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Global Succes	NXB GD	Hoàng Văn Vân(Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng	

*** SGK các môn học lớp 11 được lựa chọn sử dụng của Trường THPT Đạ Huoai:**

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Tên bộ sách
1	Toán lớp 11	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền-Nguyễn Thành Anh (đồng chủ biên), Nguyễn Cam-Ngô Hoàng Long-Phạm Hoàng Quân-Phạm Thị Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Toán 11	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền-Nguyễn Thành Anh (đồng chủ biên), Đặng Văn Hoạt		
2	Vật lí lớp 11	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình- Đoàn Hồng Hà- Bùi	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

		Quang Hân-Đỗ Xuân Hội-Nguyễn Như Huy- Trương Đăng Hoài Thu- Trần Thị Mỹ Trinh		
	Chuyên đề học tập Vật lí 11	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình- Đoàn Hồng Hà-Đỗ Xuân Hội		
3	Hóa học lớp 11	Cao Cự Giác (Chủ biên)-Đặng Thị Thuận An- Nguyễn Đình Độ- Nguyễn Xuân Hồng Quân-Phạm Ngọc Tuấn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Hoá học 11	Cao Cự Giác (Chủ biên)-Đặng Thị Thuận An- Nguyễn Đình Độ- Nguyễn Xuân Hồng Quân-Phạm Ngọc Tuấn		
4	Sinh học lớp 11	Tổng Xuân Tám (Tổng chủ biên); Trần Hoàng Dương - Nguyễn Thị Thanh Huyền- Nguyễn Tuấn Lê- Nguyễn Doãn Lý- Nguyễn Công Thùy Trâm- Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

	Chuyên đề học tập Sinh học 11	Tổng Xuân Tám (Tổng chủ biên); Trần Hoàng Dương - Nguyễn Thị Thanh Huyền- Nguyễn Tuấn Lê- Nguyễn Doãn Lý- Nguyễn Công Thùy Trâm- Phạm Đình Văn		
5	Ngữ văn lớp 11	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phạm Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu- Đặng Lưu-Trần Hạnh Mai-Hà Văn Minh-Nguyễn Thị Ngọc Minh-Nguyễn Thị Nương-Đỗ Hải Phong-Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phạm Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai-Hà Văn Minh-Đỗ Hải Phong-Nguyễn Thị Hồng Vân		
6	Lịch sử lớp 11	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên)-Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Lê Hiến Chương- Tổng Thị Quỳnh Hương-Nguyễn	Đại học Sư phạm	Cánh Diều

		Mạnh Hương-Vũ Đức Liêm		
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên)-Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình-Nguyễn Mạnh Hương-Vũ Đức Liêm		
7	Địa lí lớp 11	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên), Mai Phú Thanh-Hoàng Trọng Tuấn (đồng chủ biên), Huỳnh Ngọc Sao Ly-Bùi Vũ Thanh Nhật-Phan Văn Phú-Phạm Thị Bạch Tuyết-Trần Quốc Việt.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Địa lí 11	Mai Phú Thanh-Hoàng Trọng Tuấn (đồng Chủ biên), Bùi Vũ Thanh Nhật-Phạm Thị Bạch Tuyết-Trần Quốc Việt		
8	Tiếng Anh lớp 11- Global Success	HOÀNG VĂN VÂN (Tổng Chủ biên), VŨ HẢI HÀ (Chủ biên), CHU QUANG BÌNH, HOÀNG THỊ HỒNG HẢI, KIỀU THỊ THU	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		HƯƠNG, NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG		
9	Công nghệ lớp 11- Công nghệ chăn nuôi	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bả- Cao Bá Cường- Phạm Kim Đăng- Bùi Hữu Đoàn- Nguyễn Bá Hiên- Trần Thị Bình Nguyễn-Đỗ Thị Phượng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11: Công nghệ chăn nuôi	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bả- Cao Bá Cường-Bùi Hữu Đoàn-Trần Thị Bình Nguyễn		
10	Tin học lớp 11-Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà- Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải- Dương Quỳnh Nga- Trương Vô Hữu Thiên-Lê Kim Thu- Đặng Bích Việt.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Tin học 11: Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà- Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên),		

		Nguyễn Thị Huyền- Lê Kim Thư- Đặng Bích Việt.		
13	Giáo dục thể chất 11: Cầu lông	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Giáo dục thể chất 11: Bóng đá	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền.		
	Giáo dục thể chất 11: Bóng chuyền	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng.		
	Giáo dục thể chất 11: Bóng rổ	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc		
18	Giáo dục quốc phòng và An ninh lớp 11	Nghiệm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa		Kết nối tri thức với cuộc sống

19	Giáo dục kinh tế và Pháp luật lớp 11	Nguyễn Minh Doan-Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hồi-Nguyễn Thị Thu Trà	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Nguyễn Minh Doan-Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồi.		
20	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp lớp 11	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu-Dương Thị Thu Hà-Trần Thị Tố Oanh-Trần Thị Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

*** SGK các môn học lớp 10 được lựa chọn sử dụng của Trường THPT Đa Hoà:**

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Tên bộ sách
1	Toán lớp 10	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	Chuyên đề học tập Toán 10	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng.		
2	Vật lí lớp 10	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Nguyễn Lâm Duy, Đoàn Hồng Hà, Bùi Quang Hân, Đỗ Xuân Hội, Đào Quang Thiều, Trường Đặng Hoài Thu, Trần Thị Mỹ Trinh.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Vật lí 10	Phạm Nguyễn Thành Vinh (Chủ biên), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội, Trần Dương Anh Tài, Trường Đặng Hoài		
3	Hóa học lớp 10	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An- Nguyễn Đình Độ- Nguyễn Xuân Hồng Quân-Phạm Ngọc Tuấn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Hoá học 10	Cao Cự Giác (Chủ biên), Đặng Thị Thuận An- Nguyễn Đình Độ- Nguyễn Xuân Hồng Quân-Phạm Ngọc Tuấn		
4	Sinh học lớp 10	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh-Trần Hoàng Đương-Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

	Chuyên đề học tập Sinh học 10	Tổng Xuân Tám (Chủ biên), Lại Thị Phương Ánh-Trần Hoàng Đương-Phạm Đình Văn		
5	Ngữ văn lớp 10	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân.		
6	Lịch sử lớp 10	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quân, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Vũ Thị Phụng.		

7	Địa lí lớp 10	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Địa lí 10	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng		
8	Tiếng Anh lớp 10- Global Success	Hoàng Văn Vân(Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình, Vũ Hải Hà, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Công nghệ lớp 10	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liệt, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn.		
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh,		

		Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn.		
10	Tin học lớp 10	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt.		
13	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Giáo dục thể chất 10: Bóng đá	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền.		
	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng.		
	Giáo dục thể chất 10: Bóng rổ	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt.		

	Giáo dục thể chất 10: Đá cầu	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng, Đinh Thị Mai Anh.	Đại học Sư phạm	Cánh Điều
18	Giáo dục quốc phòng và An ninh lớp 10	Nghiệm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa		Kết nối tri thức với cuộc sống
19	Giáo dục kinh tế và Pháp luật lớp 10	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan		
20	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp lớp 10	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Hoàng Gia Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Bùi Thanh Xuân.	Đại học Huế	Cánh Điều

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a. *Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:*

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục và kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và triển khai thực hiện.

Kết quả tự đánh giá chất lượng và cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: trường tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng cấp độ 1 và tiếp tục xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhà trường và duy trì trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ cao hơn trong năm học 2024-2025.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: trường THPT Đa Huoai đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 1 theo Quyết định số 1282/QĐSGDDĐT, ngày 19/12/2017 của Sở GD&ĐT Lâm Đồng.

Trường đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian:

Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số:656/QĐ-UBND ngày 8/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm nhiều tiêu chí có

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	629	264	192	173
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	59.45	43.94	66.67	75.14
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	35.93	45.45	32.81	24.86
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	4.45	10.23	0.52	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.15	0.22	0.38	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	629	264	192	173
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	11.76	9.09	13.54	13.87
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	44.51	32.20	52.60	54.34
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	38.63	48.11	33.33	30.06
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	5.08	10.61	0.52	1.73
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	629	264	192	173
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)		89.39	99.48	100
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)		0.76	2.08	
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)		8.33	11.46	13.87
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		16.67	1.56	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		10.61	0.52	0

4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)		0.38	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/ thành phố			05	05
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				173
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				173
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				13.87
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				54.34
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				30.06
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng				
VIII	Số học sinh nữ	343	141	107	95
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	27	14	9	4

2. Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Thực hiện theo hướng dẫn số: 594 /SGDĐT-QLCL-GDĐT ngày 16/04/2024 của Sở GD-ĐT Lâm Đồng về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh mầm non, phổ thông năm học 2024-2025.</p> <p>- Điểm xét tuyển:</p>	<p>Chuyển học sinh lên lớp từ lớp 10 năm học 2023-2024 của nhà trường.</p>	<p>Chuyển học sinh lên lớp từ lớp 11 năm học 2023-2024 của nhà trường.</p>

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		29 điểm và TBCN lớp 9: 5,9. Tổng điểm Toán + Văn 11,5		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2021).		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể. 		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hội thi, cuộc thi; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Về học lực: Tốt: 15% trở lên, Khá: 50% trở lên, Chưa đạt: dưới 1,5%. - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt, Khá trên 95%, chưa đạt: 0%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể. 		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỷ lệ học sinh lên lớp sau thi lại ??%	Tỷ lệ học sinh lên lớp sau thi lại ??%	<ul style="list-style-type: none"> - 100% HS đủ điều kiện dự thi TN THPT. - Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 100%.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
				- Tỷ lệ đỗ ĐH, CĐ trên 70%. - Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo(9 tháng)	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	2024	2023
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	2024	2023

2. Kết quả thu chi hoạt động

ĐVT: 1.000Đ

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
	Chi thường xuyên	8.719.874.000	6.799.233.600
	Chi không thường xuyên	583.310.000	268.380.000
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	351.546.000	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		540.704.000
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	1.066.149.979	767.277.361
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	9.301.299.731	7.067.613.600
I	Chi lương, thu nhập	9.301.299.731	7.067.613.600
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	6.785.545.036	5.080.236.208
3	Chi công tác phí	165.290.000	168.930.000
4	Chi thuê mướn	92.506.078	96.975.846
5	Chi khen thưởng	72.700.000	17.820.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
5	Chi sửa chữa mua sắm		
6	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	52.927.087	48.303.536
7	Chi vật tư văn phòng	67.670.804	126.069.217
8	Chi thông tin tuyên truyền	19.468.123	50.034.776
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
4	Chi cấp bù học phí	723.495.000	262.035.000
IV	Chi khác		
1	Chi nghiệp vụ chuyên môn	740.271.872	948.829.017
V	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	581.425.731	268.380.000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Chu Quý Hợi**